

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;
2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Ngô Ngọc C, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Ngô Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng đến ngày 27/12/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung hai vợ

chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng chung quan điểm, cách sống với nhau. Ông C không lo lắng cho vợ con, gia đình; có khi còn đánh bà T, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tuy vợ chồng sống trong một nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm của hai vợ chồng cũng không còn dành cho nhau. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông C có 02 con chung tên Ngô Trung K (sinh ngày 19/01/2000) và Ngô Ngọc Tr (sinh ngày 28/11/2005). Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Ngọc Tr cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Ngô Trung K đã trên 18 tuổi, tự lập được nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin gia hạn, ông Ngô Ngọc C trình bày:*

Ông C và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến ngày 27/12/2005 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc; không có gì mâu thuẫn lớn cả. Ông C lo đi làm ăn, chứ không ăn chơi gì. Ông C không biết nguyên nhân mà bà T đưa đơn ly hôn. Vợ chồng chỉ cãi qua cãi lại với nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý; đề nghị Tòa án hòa giải. Hiện nay gia đình hai bên cũng đang khuyên nhủ vợ chồng đoàn tụ làm ăn và tha thứ cho những lỗi lầm của ông C đã gây ra.

Về con chung, quá trình chung sống, ông Cường và bà Tâm có 02 con chung tên Ngô Trung K (sinh ngày 19/01/2000) và Ngô Ngọc Tr (sinh ngày 28/11/2005). Cháu K đã lớn và tự lập được còn cháu Tr con muốn ở ai là tùy cháu.

Về tài sản và công nợ chung, ông C không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn ông Ngô Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án, bà T và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà T được ly hôn với ông C. Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận giao con chung Ngô Ngọc Tr (sinh ngày 28/11/2005) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản và công nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến ngày 27/12/2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, xảy ra cãi vã với nhau. Tuy ông C mong muốn được đoàn tụ với bà T nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ông C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Qua xác minh tại thôn T, xã P, huyện K nơi vợ chồng ông C, bà T sinh sống, được thôn trưởng cung cấp giữa vợ chồng ông C, bà T có xảy ra mâu thuẫn với nhau, vợ chồng ly thân được mấy năm nay, ông C thường xuyên vắng nhà và không lo lắng cho vợ con.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp hơn quy định tại Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà T và ông C có 02 con chung tên Ngô Trung K (sinh ngày 19/01/2000) và Ngô Ngọc Tr (sinh ngày 28/11/2005). Hiện các con chung đang ở với bà T. Xét nguyện vọng của các bên và của cháu Ngô Ngọc Tr, cần giao cháu Tr cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Ngô Trung K đã trên 18 tuổi và tự lập được nên các bên không yêu cầu giải quyết. Ông C

được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Ngô Ngọc C.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Ngô Ngọc Tr (sinh ngày 28/11/2005) cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi cháu Ngô Ngọc Tr đủ 18 tuổi. Đối với cháu Ngô Trung K đã trên 18 tuổi và tự lập được nên các bên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010090 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- THA dân sự huyện K;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý